

Số: *452* /UBND-KT1

Hưng Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2012

V/v chấp thuận nhiệm vụ thiết kế
Công trình xử lý khẩn cấp các cung sạt
kè Hàm Tử huyện Khoái Châu và kè
Phú Hùng Cường, huyện Kim Động

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 380/UBND-KT1 ngày 20/3/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc lập dự án Xử lý khẩn cấp các cung sạt kè Hàm Tử huyện Khoái Châu và kè Phú Hùng Cường, huyện Kim Động;

Sau khi xem xét nội dung hồ sơ nhiệm vụ thiết kế kèm theo Tờ trình số 32/TTr-SNN ngày 23/3/2012 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chấp thuận nhiệm vụ thiết kế Công trình xử lý khẩn cấp các cung sạt kè Hàm Tử huyện Khoái Châu và kè Phú Hùng Cường, huyện Kim Động, UBND tỉnh chấp thuận Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình trên với nội dung cơ bản như sau:

1. Tên công trình: Xử lý khẩn cấp các cung sạt kè Hàm Tử, huyện Khoái Châu và kè Phú Hùng Cường, huyện Kim Động;
2. Địa điểm xây dựng: Kè Hàm Tử huyện Khoái Châu và kè Phú Hùng Cường, huyện Kim Động;
3. Chủ đầu tư: Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh Hưng

Yên;

4. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình:

4.1. Cấp công trình: Công trình bảo vệ bờ cấp III

4.2. Quy mô xây dựng công trình và giải pháp kỹ thuật xử lý:

4.2.1. Quy mô xây dựng công trình:

a) Đối với kè Hàm Tử, huyện Khoái Châu:

Xử lý 02 cung sạt liên tiếp tại đầu tuyến (thượng lưu) kè, cách đầu của tuyến kè khoảng $L=20\text{m}$ với tổng chiều dài xử lý khoảng 70m. Riêng phần đất bãi bồi giữa hai bên mỏ hàn số 3, số 4 không xử lý vì sạt thuộc phần đất bồi của mái kè;

b) Đối với kè Phú Hùng Cường:

Xử lý 04 cung sạt tại vị trí giữa mỏ hàn số 4, 5, 6, 7. Tổng chiều dài tu sửa khoảng $L=300\text{m}$ (đã bao gồm cả chiều dài chuyên tiếp hai đầu mỗi cung sạt);

4.2.2. Giải pháp kỹ thuật xử lý các cung sạt:

a) Kết cấu phần chân kè:

- Kết cấu phần chân kè:

+ Kết cấu phần dưới nước: Hộ chân bằng đá hộc đổ tạo mái có hệ số $m = 2$; phía trên đá đổ tạo mái, thả một lớp rỗng thép lõi bằng đá hộc có đường kính $\varnothing=60\text{cm}$, $L=10\text{m}$ theo phương song song với dòng chảy;

+ Kết cấu phần cơ kè: Cơ kè lát đá hộc chèn chặt dày 50cm, mặt cơ rộng $B=1\text{m}$; nối tiếp giữa phần cơ kè và rỗng là phần đá hộc xếp chặt phủ kín đầu rỗng; nối tiếp giữa phần cơ kè và thân kè là chân khay xây bằng đá hộc vữa XMCV mác 100.

- Cao trình đỉnh chân kè: được lấy cao hơn mực nước kiệt ứng với tần suất 95% với độ gia tăng bằng 0,50m. Đồng thời đối chiếu với mực nước sông tại thời điểm khảo sát phục vụ lập thiết kế bản vẽ thi công để lựa chọn cho phù hợp và phù hợp với tuyến kè cũ hiện có.

b) Kết cấu phần thân kè: Xây khung chia ô (bằng đá hộc vữa XMCV mác 100) rồi lát lại mái trong khung chia ô theo hệ số mái $m = 2,0$. Phần lát mái trong khung chia ô với kết cấu: Lớp trên cùng lát bằng đá hộc xếp chèn chặt dày 30cm; lớp tiếp theo là đá dăm (1x2)cm lót dày 10cm; lớp dưới cùng là vải lọc địa kỹ thuật. Các vị trí mái bị sạt, trượt bạt mái để lát đảm bảo cong thuận phù

hợp nối tiếp với mái kè cũ hiện tại và theo tình hình sạt, trượt cụ thể để đảm bảo công thuận phù hợp nối tiếp với mái kè cũ hiện tại, thì đắp bù bằng bao tải cát trước khi lát mái đá trên mặt.

c) Kết cấu phần đỉnh kè: Tại những vị trí đỉnh kè và hành lang quản lý bị sạt lở, xây lại bằng đá hộc vữa XMCV mác 100, dưới lót vữa XMCV mác 75; về cao trình đỉnh kè, kết cấu phải phù hợp và nối tiếp với đỉnh kè hai bên cung sạt hiện có.

4.3. Kinh phí (dự kiến): 13.500.000.000 đồng.

4.4. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

7. Căn cứ vào nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận, chủ đầu tư phê duyệt nhiệm vụ thiết kế; lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật để lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, GTTL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thơi